TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - PT

Ngày 01 - 3 - 2019

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng

Ông Phùng Lâm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"* do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị bị đơn anh Hoàng Văn H kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2019/QĐ-PT ngày 13/02/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị L

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn K 1, xã H, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H

Địa chỉ: Thôn Thôn P, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Hoàng Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2007 tại UBND xã T, thành phố L. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai người không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, do anh H có tính gia trưởng, kinh tế gia đình anh H quản lý chi tiêu, chị L góp ý thì hai người lại cãi nhau, anh H đánh đập và đuổi chị L ra khỏi nhà, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị L và anh H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018, đến nay hai người không còn ai quan tâm đến ai cả về tình cảm và kinh tế. Chị Vi Thị L xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh H có với nhau 02 người con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 19/10/2007 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 27/10/2012. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án xem xét cho chị được quyền nuôi cháu Hoàng Quỳnh N đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H nhất trí với nội dung mà chị L đã trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc dạy dỗ con cái, chị L xúc phạm, chửi bởi anh H, do nóng tính anh H có tát vào mặt chị L nên chị L bỏ sang nhà ngoại ở từ ngày 06/5/2018 đến nay và làm đơn ly hôn. Đến tháng 7/2018 chị L và một số người bên ngoại kéo sang nhà anh H lấy tài sản gồm tiền mặt, đồ đạc, quần áo, tủ, giường, hai thẻ bảo hiểm của hai con và giấy tờ tùy thân của chị L. Nay anh Hoàng Văn H xét thấy tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Vi Thị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị L có với nhau 02 người con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 19/10/2007 và cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 27/10/2012. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được quyền nuôi dưỡng cả hai cháu đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị L

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị L và anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Quỳnh N, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Vi Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 19/10/2007 cho anh Hoàng Văn H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị L và anh Hoàng Văn H không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vi Thị L và anh Hoàng Văn H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 23/11/2018, bị đơn anh Hoàng Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết giao con chung cháu Hoàng Quỳnh N cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu chị Vi Thị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Hoàng Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn H có hình thức, nội dung rõ ràng, nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Hoàng Văn H kết hôn với nhau ngày 20/4/2007, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L. Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh H đều thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 04/2018 đến nay. Chị

L và anh H đều nhất trí ly hôn, Tòa án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn H:

Anh H không nhất trí việc Tòa án giao cháu Hoàng Quỳnh N cho chị Vi Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Lý do kháng cáo vì anh H cho rằng chị Vi Thị L không đủ điều kiện kinh tế, cháu N sống cùng với gia đình nhà vợ đông người, phức tạp nên không đủ điều kiện để nuôi con, trong khi đó anh H có điều kiện tốt hơn. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không xem xét đến nguyện vọng của cháu N và thành phần hội đồng xét xử có hội thẩm nhân dân ông Lục Văn V là người nhà nên xét xử không khách quan.

[3.1] Xét về điều kiện kinh tế:

Anh H cho rằng Tòa án sơ thẩm căn cứ vào Giấy xác nhận mức thu nhập của Hiệu trưởng trường mầm non H xác nhận cho chị L có mức thu nhập là 2.700.000 đồng/tháng là không đảm bảo về mặt chứng cứ, mặt khác với mức thu nhập thực tế là 2.700.000 đồng/tháng không đủ để chăm sóc, nuôi con ăn học, chi phí sinh hoạt hàng ngày. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Giấy xác minh về mức thu nhập của chị Vi Thị L được Hiệu trưởng Trường mầm non H xác nhận chị L là nhân viên cấp dưỡng của nhà trường, được trả lương theo quy định là chứng cứ phù hợp, đủ căn cứ xác nhận chị L có mức thu nhập ổn định. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm chị Vi Thị L cũng đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng khoán việc số 02/HĐKV-TrMN ngày 01/9/2018 giữa Trường mầm non H với chị Vi Thị L trong đó mức thù lao mà chị Vi Thị L nhận được khi làm việc tại trường là 2.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh H trình bày anh có điều kiện nuôi con tốt hơn, cụ thể anh làm nghề nông nghiệp, ngoài ra làm thầy cúng, buôn bán tự do với mức thu nhập là 20.000.000đồng/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng). Tòa án sơ thẩm đã yêu cầu anh H cung cấp chứng minh chứng minh thu nhập hàng tháng của mình nhưng anh H không cung cấp được. Theo đơn kháng cáo anh H trình bày từ năm 2016 đến nay anh đã tiết kiệm được khoản tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để lo cho các con ăn học nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm anh Hoàng Văn H có cung cấp bổ sung một số chứng cứ là Giấy xác nhận về mức thu nhập của anh H, việc đóng góp các khoản thu của nhà trường cho cháu Hoàng Quỳnh N, phiếu tiêm chủng của cháu Tuấn và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn Minh, bà Lương Thị Hiền được quyền sử dụng diện tích 2.784m^2 tại thôn Hẻo, xã T. Xét thấy các giấy xác nhận mà anh H cung cấp không chứng minh được anh H có thu nhập cao và các khoản thu của nhà trường đối với cháu Hoàng Quỳnh N là tiền của anh H đóng. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại xã T là tài sản của bố mẹ anh H, không phải tài sản riêng của anh H. Còn chị Vi Thị L có việc làm, thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặt khác, cháu Hoàng Quỳnh N còn nhỏ tuổi, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ.

Đối với việc anh H cho rằng hiện nay chị L không có nhà riêng để ở, sống chung với gia đình bên ngoại gồm 07 nhân khẩu và có lối sống không lành mạnh sẽ làm ảnh hưởng đến việc học hành của cháu Hoàng Quỳnh N nhưng anh H không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh.

[3.2] Xét về nguyện vọng của cháu Hoàng Quỳnh N:

Anh H cho rằng Tòa án sơ thẩm bỏ qua quyền tự do lựa chọn của trẻ, nguyện vọng mong muốn được ở với cha hoặc mẹ khi chưa hỏi ý kiến của cháu Hoàng Quỳnh N. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Cháu Hoàng Quỳnh N sinh ngày 20/10/2012, đến thời điểm ly hôn cháu N được 06 tuổi vì vậy để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu N, Tòa án không hỏi ý kiến của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Xét về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án:

Anh H cho rằng thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm có ông Lục Văn V là người nhà, có quan hệ thông gia với gia đình chị Vi Thị L nên xét xử không khách quan, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ chứng minh quan hệ giữa ông Văn và gia đình chị L. Mặc khác căn cứ Điều 52, Điều 53 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nếu ông Lục Văn V có quan hệ thông gia với gia đình chị L không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi Hội thẩm nhân dân.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án sơ thẩm giao cháu Hoàng Quỳnh N cho chị Vi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn H.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo anh Hoàng Văn H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 22/11/2018 của TAND thành phố L, tỉnh Lào Cai về phần nuôi con sau khi ly hôn.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Hoàng Văn H đã nộp 300.000 đồng *(Ba*

trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0005619 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS Tp. L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Phi Long